

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bảng Tiêu chí đánh giá, chấm điểm, xếp hạng thi đua Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2024

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 11/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng đối với ngành Tư pháp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng Tiêu chí đánh giá, chấm điểm, xếp hạng thi đua và Phụ lục cách đánh giá, chấm điểm, xếp hạng thi đua Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2024.

Điều 2. Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với cơ quan làm công tác Thi đua - Khen thưởng cùng cấp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo việc thực hiện Quyết định này, ký xác nhận, bảo đảm tính khách quan, chính xác trong việc tự chấm điểm của Sở Tư pháp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *KT*

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Ban ĐKT Trung ương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cổng Thông tin điện tử BTP (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCCB.



Nguyễn Thanh Tịnh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM, XẾP HẠNG THI ĐUA SỞ TƯ PHÁP
CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 536 /QĐ-BTP ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
1	2	3	4	5
A	THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC TƯ PHÁP NĂM 2024	150		
I	CÔNG TÁC XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH ĐỀ NGHỊ VÀ DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ CÔNG TÁC PHÁP CHẾ	15		
1	Công tác xây dựng pháp luật, thẩm định đề nghị và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	11		
1.1	Lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (Thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân)	2		
	Thẩm định đạt 100% văn bản gửi đến đúng tiến độ	2		
	Thẩm định đạt từ 90% đến dưới 100% văn bản gửi đến đúng tiến độ	1.75		
	Thẩm định đạt từ 80% đến dưới 90% văn bản gửi đến đúng tiến độ	1.5		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>Thẩm định đạt từ 70% đến dưới 80% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	<i>1</i>		
	<i>Thẩm định đạt từ 60% đến dưới 70% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	<i>0.5</i>		
	<i>Thẩm định đạt dưới 60% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	<i>0</i>		
1.2	<i>Thực hiện thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật</i>	<i>3</i>		
	<i>Thẩm định đạt 100% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	<i>3</i>		
	<i>Thẩm định đạt từ 90% đến dưới 100% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	<i>2.75</i>		
	<i>Thẩm định đạt từ 80% đến dưới 90% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	<i>2.5</i>		
	<i>Thẩm định đạt từ 70% đến dưới 80% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	<i>2</i>		
	<i>Thẩm định đạt từ 60% đến dưới 70% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	<i>1.5</i>		
	<i>Thẩm định đạt dưới 60% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	<i>0</i>		
1.3	<i>Chủ trì soạn thảo trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>	<i>3</i>		
	<i>Soạn thảo, trình ban hành đúng tiến độ 100% văn bản</i>	<i>3</i>		
	<i>Soạn thảo, trình ban hành đúng tiến độ từ 90% đến dưới 100% văn bản</i>	<i>2.75</i>		
	<i>Soạn thảo, trình ban hành đúng tiến độ từ 80% đến dưới 90% văn bản</i>	<i>2.5</i>		
	<i>Soạn thảo, trình ban hành đúng tiến độ từ 70% đến dưới 80% văn bản</i>	<i>2</i>		
	<i>Soạn thảo, trình ban hành đúng tiến độ từ 60% đến dưới 70% văn bản</i>	<i>1.5</i>		
	<i>Soạn thảo, trình ban hành đúng tiến độ dưới 60% văn bản</i>	<i>1</i>		
1.4	<i>Lập danh mục ban hành văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết</i>	<i>1</i>		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>định của Chủ tịch nước theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP</i>			
	Lập danh mục ban hành văn bản quy định chi tiết	1		
	<i>Không lập danh mục ban hành văn bản quy định chi tiết</i>	0		
1.5	Thực hiện chế độ báo cáo về Chỉ số cải thiện chất lượng các quy định của pháp luật	2		<i>Các trường hợp gửi chậm nhưng Sở Tư pháp đã trình trước thời hạn (nếu trên) thì gửi kèm theo tài liệu kiểm chứng là ảnh chụp màn hình máy tính thể hiện đã trình trên Trục liên thông văn bản quốc gia</i>
	Thực hiện chế độ báo cáo, gửi đúng tiến độ theo quy định <u>hoặc</u> gửi chậm từ 01-03 ngày làm việc nhưng đã trình UBND cấp tỉnh trước thời hạn yêu cầu từ 10 ngày làm việc trở lên	2		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>Thực hiện chế độ báo cáo, gửi chậm tiến độ từ 1- 3 ngày làm việc nhưng đã trình UBND cấp tỉnh trước thời hạn theo yêu cầu từ 5-9 ngày làm việc <u>hoặc</u> Gửi chậm từ 04-06 ngày làm việc nhưng đã trình UBND cấp tỉnh trước thời hạn yêu cầu từ 10 ngày làm việc trở lên</i>	1.75		
	<i>Thực hiện chế độ báo cáo, gửi chậm tiến độ từ 4 -6 ngày làm việc nhưng đã trình UBND cấp tỉnh trước thời hạn yêu cầu từ 5-9 ngày làm việc <u>hoặc</u> Gửi chậm từ 07-09 ngày làm việc nhưng đã trình UBND cấp tỉnh trước thời hạn yêu cầu từ 10 ngày làm việc trở lên</i>	1.5		
	<i>Thực hiện chế độ báo cáo, gửi chậm tiến độ từ 7 – 9 ngày làm việc nhưng đã trình UBND cấp tỉnh trước thời hạn yêu cầu từ 5-9 ngày làm việc trở lên <u>hoặc</u> Gửi chậm từ 10-12 ngày làm việc nhưng đã trình UBND cấp tỉnh trước thời hạn yêu cầu từ 10 ngày làm việc trở lên</i>	1		
	<i>Thực hiện chế độ báo cáo, gửi chậm tiến độ từ 10 -12 ngày làm việc nhưng đã trình UBND cấp tỉnh trước thời hạn yêu cầu từ 5-9 ngày làm việc trở lên <u>hoặc</u> Gửi chậm từ 12 ngày làm việc trở lên nhưng đã trình UBND cấp tỉnh trước thời hạn yêu cầu từ 10 ngày làm việc trở lên</i>	0.5		
	<i>Thực hiện chế độ báo cáo, gửi chậm tiến độ từ 12 ngày làm việc trở lên nhưng đã trình UBND cấp tỉnh trước thời hạn yêu cầu từ 5-9 ngày làm việc trở lên</i>	0.25		
	<i>Không thực hiện chế độ báo cáo</i>	0		
2	Công tác pháp chế	4		
2.1	Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ pháp chế cho cán bộ pháp chế	2		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
2.2	<i>Kiểm tra công tác pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và doanh nghiệp địa phương</i>	2		
II	CÔNG TÁC KIỂM TRA, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	20		
1	Giúp UBND cấp tỉnh thực hiện công tác tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do UBND cấp tỉnh ban hành	3		
1.1	<i>Kết quả tự kiểm tra</i>	1.5		
	Tự kiểm tra đạt từ 90% đến 100% văn bản	1.5		
	<i>Tự kiểm tra đạt từ 80% đến dưới 90% văn bản</i>	1.25		
	<i>Tự kiểm tra đạt từ 70% đến dưới 80% văn bản</i>	1		
	<i>Tự kiểm tra đạt dưới 70% văn bản</i>	0		
1.2	<i>Chất lượng tự kiểm tra (phát hiện, tham mưu xử lý văn bản trái pháp luật qua tự kiểm tra văn bản)</i>	1.5		
	Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL) không kết luận văn bản có nội dung trái pháp luật hoặc có kết luận mà văn bản đó đã được cơ quan tự kiểm tra, phát hiện và kiến nghị xử lý theo quy định.	1.5		
	<i>Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL) phát hiện, kết luận từ 01 đến 05 văn bản có nội dung trái pháp luật mà cơ quan tự kiểm tra không phát hiện ra.</i>	1.25		
	<i>Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL) phát hiện, kết luận từ 06 đến 10 văn bản có nội dung trái pháp luật mà cơ quan tự kiểm tra không phát hiện ra.</i>	1		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL) phát hiện, kết luận trên 10 văn bản có nội dung trái pháp luật mà cơ quan tự kiểm tra không phát hiện ra.</i>	0		
2	Tổ chức kiểm tra theo thẩm quyền có hiệu quả (kiểm tra các văn bản nhận được thuộc thẩm quyền)	2		
	Kiểm tra theo thẩm quyền đạt từ 90% trở lên số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền	2		
	<i>Kiểm tra theo thẩm quyền đạt từ 80% đến dưới 90% số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền</i>	1.5		
	<i>Kiểm tra theo thẩm quyền đạt từ 70% đến dưới 80% số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền</i>	1		
	<i>Kiểm tra theo thẩm quyền đạt dưới 70% số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền</i>	0		
3	Tham mưu kịp thời việc xử lý văn bản QPPL theo đúng quy định của pháp luật sau khi nhận được kết luận kiểm tra văn bản của cơ quan có thẩm quyền	2		
	Tham mưu kịp thời	2		
	<i>Tham mưu không kịp thời</i>	1.5		
	<i>Không thực hiện</i>	0		
4	Tổ chức thực hiện rà soát thường xuyên kịp thời, đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp	1.5		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	Rà soát đầy đủ, kịp thời ngay sau khi có căn cứ rà soát	1.5		
	<i>Rà soát đầy đủ nhưng chưa kịp thời</i>	1		
	<i>Rà soát không đầy đủ, không kịp thời</i>	0.5		
	<i>Không thực hiện rà soát</i>	0		
5	Tham mưu kịp thời công bố Danh mục văn bản hết hiệu lực định kỳ hàng năm theo quy định	1.5		
	Kịp thời công bố (chậm nhất ngày 31/01/2024)	1.5		
	<i>Công bố sau ngày 31/01 đến ngày 31/3/2024</i>	1.25		
	<i>Công bố sau ngày 31/3/2024</i>	1		
	<i>Không công bố</i>	0		
6	Thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời yêu cầu của Bộ Tư pháp trong kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn	1.5		
	Thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời	1.5		
	<i>Thực hiện đầy đủ, chính xác nhưng không kịp thời</i>	1.25		
	<i>Thực hiện không đầy đủ, nhưng chính xác, kịp thời</i>	1		
	<i>Thực hiện không đầy đủ, không chính xác, không kịp thời hoặc không thực hiện</i>	0		
7	Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL gồm: công tác thể chế, cơ sở dữ liệu, công tác phối hợp, tổ chức, biên chế, kinh phí, tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ này tại cấp huyện, cấp xã	1		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	Thực hiện đầy đủ, kịp thời	1		
	<i>Thực hiện không đầy đủ, không kịp thời</i>	0.5		
	<i>Không thực hiện nhiệm vụ</i>	0		
8	Tham mưu kịp thời công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023	1.5		
	Thực hiện đầy đủ, kịp thời (Công bố chậm nhất ngày 01/3/2024 và đầy đủ các danh mục theo quy định)	1.5		
	<i>Thực hiện kịp thời, không đầy đủ các danh mục</i>	1.25		
	<i>Thực hiện đầy đủ, không kịp thời</i>	1		
	<i>Thực hiện không kịp thời, không đầy đủ các danh mục</i>	0.5		
	<i>Không thực hiện nhiệm vụ</i>	0		
9	Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản về Bộ Tư pháp trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày công bố kết quả hệ thống hóa văn bản	1		
	Thực hiện đúng thời hạn	1		
	<i>Thực hiện không đúng thời hạn</i>	0		
10	Cập nhật văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	5		
10.1	<i>Có áp dụng chữ ký số để xác thực các văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật</i>	1		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	Áp dụng chữ ký số để xác thực tất cả các văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	1		
	<i>Có áp dụng chữ ký số đối với văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật nhưng chưa đầy đủ</i>	0.5		
	<i>Không áp dụng chữ ký số đối với tất cả văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật</i>	0		
10.2	Cập nhật văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	2		
a	Cập nhật đảm bảo chính xác, đầy đủ văn bản và các trường thông tin theo quy định tại Điều 3, Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP	1		
	<i>Có cập nhật nhưng không đảm bảo đầy đủ văn bản hoặc các trường thông tin theo quy định tại Điều 3, Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP</i>	0.5		
b	Cập nhật đảm bảo đúng thời hạn cập nhật theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP	1		
	<i>Có cập nhật văn bản nhưng không đảm bảo thời hạn quy định tại Điều 17 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP</i>	0.5		
c	Không cập nhật	0		
10.3	Cập nhật bổ sung văn bản còn thiếu và hiệu lực văn bản QPPL lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	2		
a	Cập nhật bổ sung đầy đủ văn bản và hiệu lực toàn bộ các văn bản QPPL được ban hành trong năm 2024	1		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>Cập nhật bổ sung văn bản và hiệu lực các văn bản QPPL được ban hành trong năm 2024 nhưng chưa đầy đủ</i>	0.5		
b	Cập nhật bổ sung đầy đủ văn bản và hiệu lực toàn bộ các văn bản QPPL theo Quyết định công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2023	1		
	<i>Cập nhật bổ sung văn bản và hiệu lực các văn bản QPPL theo Quyết định công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2023 nhưng chưa đầy đủ</i>	0.5		
c	Không rà soát, cập nhật bổ sung văn bản và hiệu lực văn bản QPPL trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	0		
III	CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ, CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT, HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA	15		
1	Hướng dẫn, chỉ đạo về phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), hòa giải ở cơ sở, cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	3.5		
1.1	<i>Ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, thực hiện công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật</i>	0.5		
1.2	<i>Tham mưu, tổ chức thực hiện các chương trình, đề án trọng tâm về công tác PBGDPL, tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân năm 2024</i>	3		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
a	Tham mưu, tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng VBQPPL” năm 2024 (ban hành tại Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	1.5		
	Tham mưu Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng VBQPPL năm 2024 trên địa bàn, có báo cáo kết quả việc thực hiện nhiệm vụ này	0.5		
	Tham mưu Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh tổ chức hoạt động truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng VBQPPL năm 2024 tại địa phương	1		
b	Tham mưu, tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” (ban hành tại Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	1.5		
	Triển khai đầy đủ (đạt 100%) các nhiệm vụ giao Sở Tư pháp chủ trì tại Kế hoạch thực hiện Đề án năm 2024 đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt	1.5		
	<i>Triển khai từ 80% đến dưới 100% nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch</i>	<i>1</i>		
	<i>Triển khai từ 60% đến dưới 80% nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch</i>	<i>0.5</i>		
	<i>Triển khai từ 50% đến dưới 60% nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch</i>	<i>0.25</i>		
	<i>Triển khai dưới 50% nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch</i>	<i>0</i>		

TW

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
2	Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	4.5		
2.1	<i>Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh</i>	1		
a	Tham mưu Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh ban hành và triển khai đầy đủ các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Hội đồng phối hợp PBGDPL trung ương và theo quy chế hoạt động của Hội đồng cấp tỉnh	0.5		
b	Tham mưu tổ chức các hoạt động kiểm tra của Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh (Xây dựng Kế hoạch kiểm tra của Hội đồng; ban hành Kết luận các Đoàn kiểm tra của Hội đồng hoặc Báo cáo kết quả kiểm tra; triển khai, theo dõi kết luận kiểm tra và có báo cáo kết quả việc thực hiện kết luận kiểm tra)	0.5		
2.2	<i>Tổ chức triển khai Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2024 theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp và đặc thù của địa phương</i>	1		
a	Ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo triển khai Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2024 trên địa bàn tỉnh	0.5		
b	Sở Tư pháp có tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam bằng hình thức phù hợp	0.5		
2.3	<i>Thực hiện quản lý nhà nước đối với đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật</i>	1		
a	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức pháp luật, kỹ năng PBGDPL cho báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật bằng hình thức phù hợp và cung cấp tài liệu PBGDPL phục vụ hoạt động của đội ngũ này	0.5		

10

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
b	Thực hiện cập nhật đầy đủ danh sách báo cáo viên pháp luật và chỉ đạo, hướng dẫn việc cập nhật danh sách tuyên truyền viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý lên Cổng/Trang thông tin điện tử/Chuyên mục PBGDPL của địa phương	0.5		
2.4	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác PBGDPL	1		
a	Có Cổng/Trang thông tin điện tử về PBGDPL	0.25		
b	Vận hành, cập nhật, đăng tải tài liệu, tin, bài về PBGDPL hàng tuần trên Cổng/Trang Thông tin điện tử hoặc chuyên mục về PBGDPL do Sở Tư pháp chủ trì vận hành, quản lý	0.25		
c	Tổ chức cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật và sử dụng mạng xã hội thực hiện PBGDPL	0.5		
2.5	Có Báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác từ sách pháp luật gửi về Bộ Tư pháp trước ngày 30/6/2024	0.5		
3	Công tác hòa giải ở cơ sở	3		
3.1	Triển khai thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành	3		
a	Tổ chức tập huấn hoặc cung cấp tài liệu cho đội ngũ tập huấn viên cấp huyện/đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở bằng các hình thức phù hợp	1		
b	Chỉ đạo, hướng dẫn rà soát, kiện toàn tổ hòa giải và hòa giải viên ở cơ sở trên địa bàn tỉnh, thành phố	0.5		
c	Kiểm tra công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn	1.5		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
-	Tổ chức kiểm tra trực tiếp* việc thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã	1.0		
	+ Tiến hành kiểm tra từ 02 đơn vị cấp huyện và 02 đơn vị cấp xã trở lên	1.0		
	+ Tiến hành kiểm tra 01 đơn vị cấp huyện và 01 đơn vị cấp xã	0.75		
	+ Tiến hành kiểm tra 01 đơn vị cấp huyện hoặc 01 đơn vị cấp xã	0.5		
	+ Không tổ chức kiểm tra	0		
-	Ban hành Kết luận kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Kết luận kiểm tra và có báo cáo về việc thực hiện kết quả kiểm tra năm 2024	0.5		
	+ Ban hành Kết luận kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Kết luận kiểm tra	0.25		
	+ Báo cáo về việc thực hiện kết quả kiểm tra công tác hòa giải ở cơ sở năm 2024 (báo cáo riêng hoặc lồng ghép trong báo cáo kết quả kiểm tra công tác tư pháp của Sở Tư pháp)	0.25		
3.2	<i>Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai kịp thời Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024-2030”</i>	1		
a	Ban hành Kế hoạch Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024-2030”	0.5		
b	Triển khai các hoạt động thực hiện Đề án	0.5		

* Trường hợp toàn bộ hoạt động kiểm tra thực hiện gián tiếp (thông qua báo cáo, số liệu...) hoặc trực tuyến giảm 0.5 điểm.

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
4	Công tác đánh giá, công nhận chuẩn tiếp cận pháp luật	3		
4.1	<i>Tổ chức kiểm tra kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn</i>	1.5		
a	Tổ chức kiểm tra trực tiếp* công tác đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã	1.0		
	+ Tiến hành kiểm tra từ 02 đơn vị cấp huyện và 02 đơn vị cấp xã trở lên	1.0		
	+ Tiến hành kiểm tra 01 đơn vị cấp huyện và 01 đơn vị cấp xã	0.75		
	+ Tiến hành kiểm tra 01 đơn vị cấp huyện hoặc 01 đơn vị cấp xã	0.5		
	+ Không tổ chức kiểm tra	0		
b	Ban hành Kết luận kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Kết luận kiểm tra và có báo cáo về việc thực hiện kết quả kiểm tra năm 2024	0.5		
	+ Ban hành Kết luận kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Kết luận kiểm tra	0.25		
	+ Báo cáo về việc thực hiện kết quả kiểm tra thực hiện công tác chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 (báo cáo riêng hoặc lồng ghép trong báo cáo kết quả kiểm tra công tác tư pháp của Sở Tư pháp)	0.25		
4.2	<i>Giải đáp khó khăn, vướng mắc cho địa phương trong việc triển khai thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu, đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật</i>	0.25		

* Trường hợp toàn bộ hoạt động kiểm tra thực hiện gián tiếp (thông qua báo cáo, số liệu...) hoặc trực tuyến giảm 0.5 điểm.

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>bằng hình thức phù hợp (nếu có)</i>			
4.3	<i>Tổ chức sơ kết thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP</i>	1		
	Chủ trì, tham mưu tổ chức sơ kết thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP bằng hình thức phù hợp	0.5		
	Ban hành Báo cáo sơ kết theo đúng hướng dẫn của Bộ Tư pháp (đúng yêu cầu về nội dung và thời hạn gửi Báo cáo về Bộ Tư pháp trước ngày 29/4/2024)	0.5		
4.4	<i>Có giải pháp nâng cao hoặc duy trì hiệu quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật trên địa bàn (Thể hiện trong báo cáo kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 hoặc Kế hoạch triển khai công tác đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024)</i>	0.25		
5	Triển khai hiệu quả nhiệm vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	1		
5.1	<i>Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh năm 2024</i>	0.5		
5.2	<i>Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Sở Tư pháp để triển khai Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 19/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 - 2025, Quyết định số 345/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2030" theo Kế hoạch đã ban</i>	0.5		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>hành tại mục 5.1</i>			
	<i>Triển khai từ 80% đến dưới 100% nhiệm vụ được giao</i>	0.5		
	<i>Triển khai từ 50% đến dưới 80% nhiệm vụ được giao</i>	0.25		
	<i>Triển khai dưới 50% nhiệm vụ được giao</i>	0		
IV	CÔNG TÁC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ	15		
1.	Thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tổ tụng	3		
1.1	<i>Xây dựng Kế hoạch phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tổ tụng tại địa phương</i>	1.5		
	<i>Có xây dựng</i>	1.5		
	<i>Không xây dựng</i>	0		
1.2	<i>Xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác phối hợp TGPL trong hoạt động tổ tụng tại địa phương và tổ chức kiểm tra theo đúng tiến độ của Kế hoạch</i>	1.5		
	<i>Xây dựng Kế hoạch và kiểm tra đúng thời hạn theo Kế hoạch</i>	1.5		
	<i>Xây dựng Kế hoạch nhưng kiểm tra không đúng thời hạn (trừ trường hợp bất khả kháng)</i>	0.5		
	<i>Không xây dựng Kế hoạch kiểm tra</i>	0		
2	Trợ giúp viên pháp lý hoàn thành chỉ tiêu vụ việc tham gia tổ tụng năm 2024 tại Công văn số 236/BTP-TGPL ngày 12/01/2024 của Bộ Tư pháp. Trong đó:	4.5		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	100% số trợ giúp viên pháp lý đạt chỉ tiêu tham gia tổ tụng trong đó có từ 50% tổng số trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm đạt chỉ tiêu từ khá trở lên	4.5		
	100% số trợ giúp viên pháp lý đạt chỉ tiêu tham gia tổ tụng trong đó có từ 30% đến dưới 50% tổng số trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm đạt chỉ tiêu từ khá trở lên	4		
	100% số trợ giúp viên pháp lý đạt chỉ tiêu tham gia tổ tụng trong đó có dưới 30% tổng số trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm đạt chỉ tiêu từ khá trở lên	3,5		
	Từ 70% số trợ giúp viên pháp lý trở lên đạt chỉ tiêu tham gia tổ tụng	2.5		
	Từ 50% đến dưới 70% số trợ giúp viên pháp lý đạt chỉ tiêu tham gia tổ tụng	1.5		
	Dưới 50% số trợ giúp viên pháp lý đạt chỉ tiêu tham gia tổ tụng hoặc có trợ giúp viên pháp lý không thực hiện vụ việc tham gia tổ tụng nào	0		
3	Nâng cao chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý	3.5		
3.1	Khiếu nại về vụ việc trợ giúp pháp lý từ người được trợ giúp pháp lý	1.5		
	Không có khiếu nại về vụ việc trợ giúp pháp lý từ người được trợ giúp pháp lý hoặc có khiếu nại nhưng khiếu nại không có căn cứ theo quy định của Luật TGPL năm 2017	1.5		
	Có khiếu nại về vụ việc trợ giúp pháp lý từ người được trợ giúp pháp lý theo đúng quy định của pháp luật.	0		
3.2	Thẩm định, đánh giá chất lượng, đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BTP	2		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
<i>a</i>	Trung tâm tổ chức thẩm định chất lượng vụ việc, đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công theo quy định	1		
-	Thực hiện thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý	0.5		
	<i>Không thực hiện thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý</i>	0		
	Đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định	1		
-	Thực hiện đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công	0.5		
	<i>Không thực hiện đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công</i>	0		
<i>b</i>	Sở Tư pháp tổ chức đánh giá chất lượng vụ việc, đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công của các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định	1		
-	Đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý	0.5		
	Ban hành Kế hoạch đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý	0.25		
	<i>Không ban hành Kế hoạch đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý</i>	0		
	Thực hiện đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý theo Kế hoạch	0.25		
	<i>Không thực hiện đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý theo Kế hoạch</i>	0		
-	Thực hiện đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công của các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý	0.5		

R

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>Không thực hiện đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công của các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý</i>	0		
4	Cập nhật thông tin về tổ chức, nhân sự, vụ việc trợ giúp pháp lý; đăng tải danh sách người, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý	4		
4.1	<i>Sử dụng Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý (Hệ thống) để tổng hợp số liệu, thống kê phục vụ công tác báo cáo, thống kê theo quy định</i>	2		
	Số liệu về tổ chức, nhân sự, vụ việc trợ giúp pháp lý cập nhật trên Hệ thống và số liệu Báo cáo chính thức gửi về Bộ chênh lệch dưới 10%, trong đó dữ liệu nhập có đầy đủ hồ sơ và thông tin vụ việc tham gia tổ tụng thành công, đánh giá chất lượng, thẩm định chất lượng (nếu có).	2		
	<i>Số liệu về tổ chức, nhân sự, vụ việc trợ giúp pháp lý cập nhật trên Hệ thống và số liệu Báo cáo chính thức gửi về Bộ chênh lệch từ 10% đến dưới 20%, trong đó dữ liệu nhập có đầy đủ hồ sơ và thông tin vụ việc tham gia tổ tụng hiệu quả, thành công, đánh giá chất lượng, thẩm định chất lượng (nếu có)</i>	1.5		
	<i>Số liệu về tổ chức, nhân sự, vụ việc trợ giúp pháp lý cập nhật trên Hệ thống và số liệu Báo cáo chính thức gửi về Bộ chênh lệch từ 20% đến dưới 50%, trong đó dữ liệu nhập có đầy đủ hồ sơ và thông tin vụ việc tham gia tổ tụng hiệu quả, thành công, đánh giá chất lượng, thẩm định chất lượng (nếu có)</i>	1		
	<i>Số liệu về tổ chức, nhân sự, vụ việc trợ giúp pháp lý cập nhật trên Hệ thống và số liệu Báo cáo chính thức gửi về Bộ chênh lệch từ 50% trở lên, trong đó dữ liệu nhập có đầy đủ hồ sơ và thông tin vụ việc tham gia tổ tụng hiệu quả, thành công, đánh giá chất lượng, thẩm định chất lượng (nếu có)</i>	0		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
4.2	Đăng tải danh sách người, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý	2		
	Cập nhật và đăng tải chính xác, đầy đủ, kịp thời danh sách tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý trên địa bàn	2		
	<i>Có cập nhật, đăng tải nhưng chưa chính xác, đầy đủ, kịp thời danh sách tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý trên địa bàn</i>	1		
	<i>Không thực hiện cập nhật, đăng tải danh sách tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý trên địa bàn</i>	0		
V	CÔNG TÁC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH, CHỨNG THỰC	15		
1	Lĩnh vực hộ tịch	7		
1.1	Thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về hộ tịch	1.5		
a	Chủ động hướng dẫn nghiệp vụ hộ tịch, tháo gỡ khó khăn vướng mắc từ cơ sở, không để tình trạng đề nghị hướng dẫn nghiệp vụ vượt cấp	1.0		
b	<i>Xây dựng kế hoạch, tổ chức, thực hiện thanh tra, kiểm tra về công tác hộ tịch theo đúng chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước</i>	0.5		
1.2	Không có sai phạm, vi phạm pháp luật trong việc đăng ký hộ tịch tại địa phương	1.0		
	Không có sai phạm ở mức độ nghiêm trọng hoặc xảy ra ở nhiều địa bàn theo kết quả kiểm tra, Kết luận thanh tra	0.4		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	Không có khiếu nại, tố cáo (có cơ sở) về việc thực hiện các việc về hộ tịch	0.4		
	Không có phản ánh, kiến nghị của báo chí, công dân (có cơ sở) về thái độ tiếp công dân không đúng mực, có biểu hiện sách nhiễu, phiền hà, không giải thích, hướng dẫn cụ thể cho người dân	0.2		
1.3	<i>Chủ động xử lý thông tin báo chí kịp thời</i>	0.5		
	<i>Có kiểm tra, xử lý nhưng không đúng thời hạn</i>	0.3		
	<i>Đơn đốc nhiều lần mới kiểm tra, xử lý</i>	0.2		
	<i>Không kiểm tra, xử lý, báo cáo theo yêu cầu</i>	0		
1.4	<i>Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trong lĩnh vực hộ tịch được giao theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”, Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 22/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ bảo đảm đúng tiến độ</i>	1		
1.5	<i>Tập trung nguồn lực đẩy nhanh số hoá sổ hộ tịch và cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/01/2025</i>	2		
	<i>Hoàn thành $\geq 90\%$ số lượng dữ liệu cần số hoá tính đến thời điểm chấm</i>	2		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>điểm (tháng 11/2024)</i>			
	<i>Hoàn thành từ 80% - 90% số lượng dữ liệu cần số hoá tính đến thời điểm chấm điểm (tháng 11/2024)</i>	1		
	<i>Hoàn thành < 80% số lượng dữ liệu cần số hoá tính đến thời điểm chấm điểm (tháng 11/2024) hoặc đã thực hiện nhập dữ liệu từ sổ hộ tịch trên nền CSDLQGVC nhưng chưa scan, đính kèm trang số tương ứng, cập nhật vào CSDLHTĐT</i>	0.5		
1.6	<i>Triển khai thực hiện đúng thời hạn nhiệm vụ tổng kết Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký, thống kê hộ tịch giai đoạn 2017-2024 (ban hành kèm theo Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 23/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ)</i>	1		
2.	Lĩnh vực quốc tịch	4.5		
2.1	<i>Thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về quốc tịch</i>	1.5		
a	Chủ động hướng dẫn nghiệp vụ quốc tịch tháo gỡ khó khăn vướng mắc, kiểm tra công tác thi hành pháp luật về quốc tịch tại địa phương.	1		
b	Xây dựng kế hoạch, tổ chức, thực hiện thanh tra, kiểm tra về công tác quốc tịch theo đúng chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước	0.5		
2.2	<i>Không có sai phạm, vi phạm pháp luật trong việc đăng ký quốc tịch tại địa phương</i>	1		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
a	Không có sai phạm ở mức độ nghiêm trọng hoặc xảy ra ở nhiều địa bàn theo kết quả kiểm tra, Kết luận thanh tra	0.4		
b	Không có khiếu nại, tố cáo (có cơ sở) về quốc tịch	0.4		
c	Không có phản ánh, kiến nghị của báo chí, công dân (có cơ sở) về thái độ tiếp công dân không đúng mục, có biểu hiện sách nhiễu, phiền hà, không giải thích, hướng dẫn cụ thể cho người dân	0.2		
2.3	Chủ động xử lý thông tin báo chí kịp thời	0.5		
	Có kiểm tra, xử lý nhưng không đúng thời hạn	0.3		
	Đôn đốc nhiều lần mới kiểm tra, xử lý	0.2		
	Không kiểm tra, xử lý, báo cáo theo yêu cầu	0		
2.4	Tiếp nhận đúng thẩm quyền và tham mưu giải quyết đúng trình tự, thủ tục xin nhập, xin thôi, xin trở lại quốc tịch Việt Nam; xin cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, xin cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (đảm bảo tiếp nhận đầy đủ hồ sơ, thời hạn giải quyết)	0.5		
	Giải quyết không đúng trình tự, thủ tục, quá thời hạn giải quyết; hồ sơ xin nhập/thôi/trở lại quốc tịch Việt Nam gửi đến Bộ Tư pháp không đầy đủ theo quy định, Bộ/Cục phải có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc trả lại hồ sơ			

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>Có từ 01-05 hồ sơ</i>	0.25		
	<i>Từ 06 hồ sơ trở lên</i>	0		
2.5	<i>Triển khai đầy đủ, đúng thời hạn các nhiệm vụ theo yêu cầu của Bộ Tư pháp để thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc</i>	0.5		
	<i>Các nhiệm vụ thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn và đạt kết quả tốt</i>	0.5		
	<i>Tổ chức triển khai thực hiện không đúng thời hạn</i>	0.25		
	<i>Không tổ chức triển khai thực hiện</i>	0		
2.6	Chấm điểm đặc thù trong lĩnh vực quốc tịch	0.5		
a	<i>Áp dụng đối với các tỉnh tham gia thực hiện Tiểu Đề án 2 (An Giang, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang, Bình Phước, Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Cà Mau, Đồng Nai, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bình Dương)</i>	0.5		
	<i>Phối hợp Công an tỉnh triển khai có hiệu quả Tiểu Đề án 2 “Giải quyết các vấn đề về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu và các giấy tờ tùy thân khác cho người di cư tự do từ Campuchia về nước” trong việc cấp Thẻ thường trú cho</i>	0.5		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>những người đủ điều kiện và kịp thời đăng ký khai sinh cho trẻ em là con của người dân di cư tự do về Việt Nam cho những người đủ điều kiện.</i>			
	<i>Chậm triển khai thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đảm bảo chất lượng một trong những nhiệm vụ nêu trên.</i>	0.25		
	<i>Không triển khai thực hiện một trong những nhiệm vụ nêu trên</i>	0		
b	<i>Áp dụng đối với các tỉnh không tham gia thực hiện Tiêu Đề án 2</i>	0.5		
	<i>Chủ động nghiên cứu văn bản pháp luật quốc tịch để giải quyết kịp thời các yêu cầu về quốc tịch</i>	0.5		
3	Lĩnh vực chứng thực	3.5		
3.1	<i>Thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về chứng thực</i>	1.5		
a	<i>Chủ động hướng dẫn nghiệp vụ chứng thực, tháo gỡ khó khăn vướng mắc từ cơ sở, không để tình trạng đề nghị hướng dẫn nghiệp vụ vượt cấp</i>	1		
b.	<i>Xây dựng kế hoạch, tổ chức, thực hiện thanh tra, kiểm tra về công tác chứng thực theo đúng chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước</i>	0.5		
3.2	<i>Không có sai phạm, vi phạm pháp luật trong lĩnh vực chứng thực tại địa phương</i>	1		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
a	<i>Không có sai phạm ở mức độ nghiêm trọng hoặc xảy ra ở nhiều địa bàn theo kết quả kiểm tra, Kết luận thanh tra</i>	0.4		
b	<i>Không có khiếu nại, tố cáo (có cơ sở) về việc thực hiện các việc về chứng thực</i>	0.4		
c	<i>Không có phản ánh, kiến nghị của báo chí, công dân (có cơ sở) về thái độ tiếp công dân không đúng mực, có biểu hiện sách nhiễu, phiền hà, không giải thích, hướng dẫn cụ thể cho người dân</i>	0.2		
3.3	<i>Chủ động xử lý thông tin báo chí kịp thời</i>	0.5		
	<i>Có kiểm tra, xử lý nhưng không đúng thời hạn</i>	0.3		
	<i>Đôn đốc nhiều lần mới kiểm tra, xử lý</i>	0.2		
	<i>Không kiểm tra, xử lý, báo cáo theo yêu cầu</i>	0		
3.4	<i>Tổ chức tập huấn, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác chứng thực tại địa phương</i>	0.5		
VI	CÔNG TÁC BỔ TRỢ TƯ PHÁP	20		
1	Lĩnh vực luật sư, tư vấn pháp luật	5		
1.1	Tiếp tục có biện pháp đẩy mạnh việc triển khai thi hành Luật Luật sư, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Luật sư và Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ về tư vấn pháp luật; tham gia tích cực trong việc đề xuất, góp ý, xây dựng chính	1		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	sách, pháp luật về luật sư, tư vấn pháp luật (nếu được yêu cầu).			
1.2	Thực hiện đầy đủ và đảm bảo đúng quy định về việc tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ và đề nghị Bộ Tư pháp cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định của pháp luật về luật sư.	0.5		
1.3	Triển khai công tác thanh tra, kiểm tra về tổ chức và hoạt động luật sư trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật; có báo cáo kết quả công tác thanh tra, kiểm tra hoặc kết luận thanh tra, kiểm tra gửi Bộ Tư pháp; báo cáo đầy đủ việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra của Bộ Tư pháp/Cục Bổ trợ tư pháp đối với lĩnh vực luật sư (nếu có).	0.5		
1.4	Tham mưu đầy đủ, kịp thời cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chế độ báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định của pháp luật về luật sư, tư vấn pháp luật; báo cáo đầy đủ, kịp thời về tổ chức và hoạt động luật sư, tư vấn pháp luật trên địa bàn theo yêu cầu của Bộ Tư pháp/Cục Bổ trợ tư pháp.	0.5		
1.5	Thực hiện đúng quy định pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực luật sư, tư vấn pháp luật; xử lý kịp thời, đầy đủ phản ánh thông tin báo chí về luật sư và hành nghề luật sư, tư vấn pháp luật trên địa bàn.	0.5		
1.6	Tham mưu tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch triển khai Kết luận số 69-KL/TW ngày 24/02/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 30/3/2009 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư và có báo cáo gửi về Bộ Tư pháp về kết quả thực hiện.	1		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
1.7	Thực hiện đầy đủ quy định về đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, luật sư hành nghề với tư cách cá nhân tại địa phương và có văn bản thông báo Bộ Tư pháp về việc đăng ký hoạt động (bản điện tử).	0.5		
1.8	Thực hiện các giải pháp khác để quản lý hiệu quả và có giải pháp hỗ trợ phát triển hoạt động hành nghề luật sư, tư vấn pháp luật tại địa phương.	0.5		
2	Lĩnh vực công chứng, thừa phát lại	6		
2.1	Tiếp tục có biện pháp đẩy mạnh việc triển khai thi hành Luật Công chứng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Công chứng; Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thừa phát lại và các văn bản hướng dẫn thi hành; tham gia tích cực trong việc đề xuất, góp ý, xây dựng chính sách, pháp luật về công chứng, thừa phát lại (nếu được yêu cầu).	1		
2.2	Thực hiện đầy đủ và đảm bảo đúng quy định về việc tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ và đề đề nghị Bộ Tư pháp bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm công chứng viên, thừa phát lại.	1		
2.3	Triển khai công tác thanh tra, kiểm tra về tổ chức và hoạt động công chứng, thừa phát lại trên địa bàn theo quy định của pháp luật; có văn bản báo cáo kết quả công tác thanh tra, kiểm tra hoặc kết luận thanh tra, kiểm tra gửi Bộ Tư pháp; báo cáo đầy đủ việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra của Bộ Tư pháp/Cục Bổ trợ tư pháp đối với lĩnh vực công chứng, thừa phát lại (nếu có).	1		
2.4	Tham mưu đầy đủ, kịp thời cho UBND cấp tỉnh thực hiện chế độ báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định của pháp luật về công chứng, thừa phát lại; chấp hành chế độ			

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	báo cáo đầy đủ, kịp thời về tổ chức và hoạt động công chứng, thừa phát lại trên địa bàn theo yêu cầu của Bộ Tư pháp/Cục Bổ trợ tư pháp.	1		
2.5	Thực hiện đúng quy định pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực công chứng, thừa phát lại; xử lý kịp thời, đầy đủ phản ánh thông tin báo chí về công chứng, thừa phát lại trên địa bàn hoặc theo yêu cầu của Bộ Tư pháp/Cục Bổ trợ tư pháp.	1		
2.6	Cập nhật thông tin đầy đủ và kịp thời lên phần mềm quản lý tổ chức hành nghề công chứng.	0.5		
2.7	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh tăng cường QLNN về hoạt động công chứng, thừa phát lại tại địa phương (như không có sai phạm, vi phạm pháp luật trong hoạt động công chứng, thừa phát lại).	0.5		
3	Lĩnh vực đấu giá tài sản, trọng tài thương mại, quản tài viên, hoà giải thương mại	5		
3.1	Tiếp tục có biện pháp đẩy mạnh việc triển khai thi hành Luật Đấu giá tài sản, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đấu giá tài sản và pháp luật về trọng tài thương mại, quản tài viên, hoà giải thương mại; tham gia tích cực trong việc đề xuất, góp ý, xây dựng chính sách, pháp luật về đấu giá tài sản, trọng tài thương mại, quản tài viên, hoà giải thương mại (nếu được yêu cầu).	1		
3.2	Tham mưu giúp UBND tăng cường kiểm tra, thanh tra trong việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.	1		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
3.3	Thực hiện, tham mưu thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra về tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản, trọng tài thương mại, quản tài viên, trọng tài thương mại, hoà giải thương mại (nếu có) trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện, báo cáo việc thực hiện các hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Tư pháp/Cục Bổ trợ tư pháp đối với lĩnh vực đấu giá tài sản, trọng tài thương mại, quản tài viên, hoà giải thương mại (nếu có).	1		
3.4	Tham mưu đầy đủ, kịp thời cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chế độ báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, trọng tài thương mại, quản tài viên, hoà giải thương mại; báo cáo đầy đủ, kịp thời về tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản, trọng tài thương mại, quản tài viên, hoà giải thương mại trên địa bàn theo yêu cầu của Bộ Tư pháp/Cục Bổ trợ tư pháp.	1		
3.5	Thực hiện đúng quy định pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đấu giá tài sản, trọng tài thương mại, quản tài viên, hoà giải thương mại; xử lý kịp thời, đầy đủ phản ánh thông tin báo chí về đấu giá tài sản, trọng tài thương mại, quản tài viên, hoà giải thương mại trên địa bàn.	1		
4	Lĩnh vực thanh tra bổ trợ tư pháp và quản lý giám định tư pháp	4		
4.1	Tiếp tục có biện pháp đẩy mạnh việc triển khai thi hành Luật Giám định tư pháp, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giám định tư pháp và văn bản pháp luật có liên quan; tham gia tích cực trong việc đề xuất, góp ý, xây dựng chính sách, pháp luật về giám định tư pháp (nếu được yêu cầu).	1		
4.2	Tham mưu, giúp UBND tỉnh củng cố, phát triển đội ngũ tổ chức, người giám định tư pháp tại địa phương trên cơ sở số liệu, thông tin dự báo nhu			

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<p>câu giám định, đánh giá hoạt động giám định tư pháp do cơ quan điều tra, kiểm sát, tòa án cấp tỉnh cung cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp thẻ giám định viên tư pháp; - Rà soát, đăng tải và cập nhật danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên Cổng thông tin điện tử của UBND cấp tỉnh và gửi Bộ Tư pháp; - Thực hiện giải pháp nâng cao chất lượng của đội ngũ người làm giám định tư pháp tại địa phương (bồi dưỡng kiến thức pháp lý, giải pháp khác...). 	1		
4.3	<p>Tham mưu, giúp UBND tỉnh:</p> <p>(1) Theo dõi, nắm bắt và kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong công tác giám định tư pháp; tăng cường thông tin, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan chuyên môn và cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng cùng cấp trong tổ chức, hoạt động, quản lý giám định tư pháp tại địa phương;</p> <p>(2) Đánh giá tổ chức, chất lượng hoạt động giám định tư pháp tại địa phương; chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan đề xuất, trình UBND tỉnh tôn vinh, khen thưởng tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động giám định tư pháp tại địa phương.</p>	1		
4.4	<p>Tham mưu, giúp UBND tỉnh:</p> <p>(1) Kiểm tra, thanh tra tình hình tổ chức, hoạt động, quản lý giám định tư pháp và giải quyết khiếu nại, tố cáo về giám định tư pháp theo thẩm quyền</p>	1		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	tại địa phương; (2) Thực hiện kịp thời, đầy đủ chế độ báo cáo về tổ chức, hoạt động và quản lý giám định tư pháp tại địa phương.			
VII	CÔNG TÁC QUẢN LÝ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT	15		
1	Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính	7.5		
1.1	<i>Kiểm tra về công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính hoặc trong từng lĩnh vực trọng tâm</i>	2		
	Tổ chức kiểm tra về công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính hoặc trong từng lĩnh vực trọng tâm	2		
	<i>Không tổ chức kiểm tra</i>	0		
1.2	<i>Tham mưu xử lý thông tin tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc góp ý văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu của Bộ Tư pháp</i>	1.5		
	<i>Tham mưu xử lý thông tin tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và/hoặc góp ý văn bản quy phạm pháp luật đúng thời hạn theo yêu cầu của Bộ Tư pháp</i>	1.5		
	<i>Tham mưu xử lý thông tin tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và/hoặc góp ý văn bản quy phạm pháp luật không đúng thời hạn theo yêu cầu của Bộ Tư pháp</i>	1		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>Không thực hiện khi có yêu cầu</i>	0		
1.3	<i>Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính</i>	2		
	<i>Tổ chức phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính</i>	2		
	<i>Tổ chức phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính</i>	1		
	<i>Hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính</i>	1		
	<i>Không thực hiện phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính</i>	0		
1.4	<i>Tham mưu UBND cấp tỉnh thực hiện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2023</i>	2		
	<i>Ban hành báo cáo kịp thời (chậm nhất vào ngày 21/12/2023) và có số liệu đầy đủ, chính xác theo quy định</i>	2		
	<i>Ban hành báo cáo không kịp thời (từ ngày 22/12/2023 trở đi) nhưng số liệu đầy đủ, chính xác theo quy định</i>	1		
	<i>Ban hành báo cáo kịp thời (chậm nhất vào ngày 21/12/2023) nhưng số liệu không đầy đủ, không chính xác theo quy định</i>	1		
	<i>Ban hành báo cáo không kịp thời (từ ngày 22/12/2023 trở đi) và số liệu không đầy đủ, không chính xác theo quy định</i>	0.5		
	<i>Không ban hành báo cáo</i>	0		
2	Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật	7.5		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
2.1	<i>Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024</i>	<i>1.5</i>		
	<i>Ban hành Kế hoạch</i>	<i>1.5</i>		
	<i>Không ban hành Kế hoạch</i>	<i>0</i>		
2.2	<i>Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật</i>	<i>2</i>		
	<i>Tổ chức kiểm tra tình hình thi hành pháp luật</i>	<i>2</i>		
	<i>Không tổ chức kiểm tra</i>	<i>0</i>		
2.3	<i>Hướng dẫn nghiệp vụ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật</i>	<i>2</i>		
	<i>Thực hiện hướng dẫn nghiệp vụ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật</i>	<i>2</i>		
	<i>Không hướng dẫn nghiệp vụ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật</i>	<i>0</i>		
2.4	<i>Tham mưu UBND cấp tỉnh thực hiện báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023</i>	<i>2</i>		
	<i>Ban hành báo cáo kịp thời (trước ngày 11/12/2023) và có số liệu đầy đủ, chính xác theo quy định</i>	<i>2</i>		
	<i>Ban hành báo cáo không kịp thời (từ ngày 11/12/2023 trở đi) hoặc số liệu không đầy đủ, chính xác theo quy định</i>	<i>1</i>		
	<i>Không ban hành báo cáo</i>	<i>0</i>		
VIII	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	5		
1	Ban hành Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin hoặc Kế hoạch chuyển đổi số của Sở Tư pháp năm 2024	2		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	Có ban hành	2		
	<i>Không ban hành</i>	0		
2	Gửi nhận văn bản điện tử qua Trục liên thông văn bản quốc gia	3		
a	Tỷ lệ văn bản của Sở Tư pháp gửi cho Bộ Tư pháp qua Trục liên thông văn bản Quốc gia có chữ ký số theo quy định trên tổng số văn bản của Sở Tư pháp gửi cho Bộ Tư pháp	1.5		
	Đạt trên 95%	1.5		
	<i>Từ 75% đến 95%</i>	1		
	<i>Từ 50% đến dưới 75%</i>	0.5		
	<i>Dưới 50%</i>	0		
b	Tỷ lệ văn bản của Bộ Tư pháp gửi qua Trục liên thông văn bản Quốc gia được Sở Tư pháp tiếp nhận và phản hồi trạng thái trên tổng số văn bản của Bộ Tư pháp	1.5		
	Đạt trên 95%	1.5		
	<i>Từ 75% đến 95%</i>	1		
	<i>Từ 50% đến dưới 75%</i>	0.5		
	<i>Dưới 50%</i>	0		
IX	NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KHÁC	30		
1	Công tác bồi thường nhà nước	5		
<i>1.1</i>	<i>Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện công tác bồi thường nhà nước</i>	<i>0.5</i>		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác bồi thường hoặc lồng ghép vào kế hoạch công tác tư pháp trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền bảo đảm đầy đủ, đúng nội dung theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành	0.5		
	<i>Không tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác bồi thường nhà nước</i>	0		
1.2	Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước tại địa phương	1		
	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước tại địa phương	1		
	<i>Không tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước tại địa phương</i>	0		
1.3	Công tác hướng dẫn nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước tại địa phương	0.5		
	Chủ động, kịp thời hướng dẫn nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước tại địa phương khi phát sinh yêu cầu (Trường hợp không phát sinh yêu cầu, Sở Tư pháp được chấm tối đa đối với tiêu chí này)	0.5		
	<i>Không thực hiện hướng dẫn nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước tại địa phương khi phát sinh yêu cầu</i>	0		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
1.4	<i>Công tác hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường</i>	0,5		
	Chủ động, kịp thời hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường khi phát sinh yêu cầu (Trường hợp không phát sinh yêu cầu, Sở Tư pháp được chấm tối đa đối với tiêu chí này)	0,5		
	<i>Không thực hiện hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường khi phát sinh yêu cầu</i>	0		
1.5	<i>Thực hiện công tác theo dõi, đôn đốc, chi trả bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật</i>	0,5		
	Thực hiện đầy đủ và kịp thời việc theo dõi, đôn đốc, chi trả bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật; lập danh mục vụ việc giải quyết bồi thường hằng năm	0,5		
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc theo dõi, đôn đốc, chi trả bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật; lập danh mục vụ việc giải quyết bồi thường hằng năm</i>	0		
1.6	<i>Thực hiện công tác kiểm tra (định kỳ, đột xuất), thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước trong phạm vi địa phương quản lý</i>	0,5		
	Thực hiện đầy đủ việc kiểm tra (định kỳ, đột xuất) công tác bồi thường nhà nước thuộc phạm vi quản lý hoặc lồng ghép kiểm tra công tác bồi thường nhà nước (thực hiện riêng hoặc lồng ghép) trong hoạt động kiểm tra công tác tư pháp và công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong công tác	0,5		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	bồi thường nhà nước			
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc kiểm tra (định kỳ, đột xuất) công tác bồi thường nhà nước</i>	0		
1.7	Tham gia giải quyết bồi thường đối với các vụ việc giải quyết bồi thường của cơ quan thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	1		
	Tham gia đầy đủ việc xác minh thiệt hại (khi có yêu cầu) và thương lượng giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (STP được chấm điểm tối đa đối với trường hợp địa phương không phát sinh vụ việc giải quyết bồi thường)	1		
	<i>Không tham gia việc xác minh thiệt hại (khi có yêu cầu) và thương lượng giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước</i>	0		
1.8	Công tác phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước và tham gia giải quyết bồi thường	0,5		
	Chủ động, tích cực phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương thực hiện công tác bồi thường nhà nước thông qua hình thức họp liên ngành hoặc trao đổi bằng văn bản khi có phát sinh nội dung cần phối hợp theo quy định của pháp luật; Cử đại diện tham gia xác minh thiệt hại (khi có yêu cầu), cử đại diện tham gia thương lượng đúng quy định pháp luật	0,5		
	<i>Không thực hiện việc phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa</i>	0		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>phương thực hiện công tác bồi thường nhà nước thông qua hình thức hợp liên ngành hoặc trao đổi bằng văn bản khi có phát sinh nội dung cần phối hợp theo quy định của pháp luật; Không cử đại diện tham gia xác minh thiệt hại (khi có yêu cầu), không cử đại diện tham gia thương lượng đúng quy định pháp luật</i>			
2	Công tác Lý lịch tư pháp	10		
2.1	<i>Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về Lý lịch tư pháp tại địa phương</i>	<i>1.5</i>		
a	Bảo đảm các văn bản và ý kiến chỉ đạo của Bộ Tư pháp trong lĩnh vực Lý lịch tư pháp	1		
b	Thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Lý lịch tư pháp tại địa phương	0.5		
2.2	Thực hiện cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến	2.25		
a	Bảo đảm thực hiện đúng trình tự, thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp	0.5		
b	Thực hiện cấp Phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến	0.25		
c	Bảo đảm thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp	1.5		
	<i>Bảo đảm từ 95% Phiếu lý lịch tư pháp trở lên được cấp đúng hoặc sớm thời hạn</i>	<i>1.5</i>		
	<i>Bảo đảm từ 90% đến dưới 95% Phiếu lý lịch tư pháp được cấp đúng hoặc sớm thời hạn</i>	<i>1</i>		
	<i>Bảo đảm từ 80% đến dưới 90% Phiếu lý lịch tư pháp được cấp đúng hoặc sớm thời hạn</i>	<i>0.5</i>		
	<i>Bảo đảm từ 70% đến dưới 80% Phiếu lý lịch tư pháp được cấp đúng hoặc sớm</i>	<i>0.25</i>		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>thời hạn</i>			
	<i>Dưới 70 % Phiếu lý lịch tư pháp được cấp đúng hoặc sớm thời hạn</i>	0		
2.3	Thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại địa phương theo quy định của pháp luật	4.25		
a	Thực hiện tốt việc vào sổ tiếp nhận thông tin do các cơ quan các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp	1		
	Thực hiện việc tiếp nhận từ 80% trở lên thông tin do các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp	1		
	<i>Thực hiện việc tiếp nhận từ 50% đến dưới 80% thông tin do các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp</i>	0.5		
	<i>Thực hiện việc tiếp nhận dưới 50% thông tin do các cơ quan các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp</i>	0.25		
	<i>Không thực hiện</i>	0		
b	Thực hiện tốt việc lập lý lịch tư pháp và cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung vào phần mềm quản lý lý lịch tư pháp của Sở Tư pháp (về mặt số lượng)	1		
	Thực hiện từ 80% trở lên việc lập lý lịch tư pháp và cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung vào Phần mềm quản lý lý lịch tư pháp của Sở Tư pháp	1		
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% việc lập lý lịch tư pháp và cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung vào Phần mềm quản lý lý lịch tư pháp của Sở Tư pháp</i>	0.5		
	<i>Thực hiện dưới 50% việc lập lý lịch tư pháp và cập nhật thông tin lý lịch tư pháp</i>	0.25		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>bổ sung vào Phần mềm quản lý lý lịch tư pháp của Sở Tư pháp</i>			
	<i>Không thực hiện</i>	0		
c	Thực hiện cung cấp bản lý lịch tư pháp và thông tin lý lịch tư pháp bổ sung cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia đúng thời hạn quy định	2		
	Thực hiện việc cung cấp bản lý lịch tư pháp lập được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia đúng thời hạn quy định	1		
	<i>Thực hiện cung cấp từ 80% trở lên bản lý lịch tư pháp lập được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	1		
	<i>Thực hiện cung cấp từ 50% đến 80% trở lên bản lý lịch tư pháp lập được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	0.5		
	<i>Thực hiện cung cấp dưới 50% bản lý lịch tư pháp lập được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	0		
	Thực hiện việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung cập nhật được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia đúng thời hạn quy định	1		
	<i>Thực hiện cung cấp từ 50% trở lên thông tin lý lịch tư pháp bổ sung cập nhật được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	1		
	<i>Thực hiện cung cấp dưới 50% thông tin lý lịch tư pháp bổ sung cập nhật được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	0.5		
	<i>Không thực hiện</i>	0		
d	Thực hiện đúng quy định, thời hạn trong việc phối hợp rà soát thông tin lý lịch tư pháp	0.25		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>Trả lời đúng quy định, thời hạn đối với công văn rà soát thông tin lý lịch tư pháp của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	0.25		
	<i>Trả lời không đúng quy định, thời hạn đối với công văn rà soát thông tin lý lịch tư pháp của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	0		
2.4	Đảm bảo chất lượng lập lý lịch tư pháp đúng quy định	2		
	Tỷ lệ bản LLTP do Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia kiểm tra, xử lý trong năm 2024 có sai sót dưới 1%	2		
	<i>Tỷ lệ bản LLTP do Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia kiểm tra, xử lý trong năm 2024 có sai sót từ 1% đến dưới 5%</i>	1.5		
	<i>Tỷ lệ bản LLTP do Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia kiểm tra, xử lý trong năm 2024 có sai sót từ 5% đến dưới 10%</i>	1		
	<i>Tỷ lệ bản LLTP do Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia kiểm tra, xử lý trong năm 2024 có sai sót từ 10% trở lên</i>	0.5		
3	Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	10		
3.1	<i>Triển khai thực hiện đầy đủ các cuộc thanh tra theo kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra</i>	3		
a	Triển khai thực hiện đầy đủ các cuộc thanh tra hành chính	1		
	<i>Triển khai thực hiện 100% các cuộc thanh tra hành chính theo Kế hoạch</i>	1		
	<i>Triển khai thực hiện từ 50% đến dưới 100% các cuộc thanh tra hành chính theo Kế hoạch</i>	0.75		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>Triển khai thực hiện dưới 50% các cuộc thanh tra hành chính theo Kế hoạch</i>	0.25		
	<i>Không triển khai thực hiện các cuộc thanh tra hành chính theo Kế hoạch</i>	0		
b	Triển khai thực hiện đầy đủ các cuộc thanh tra chuyên ngành	1		
	<i>Triển khai thực hiện 100% các cuộc thanh tra chuyên ngành theo Kế hoạch</i>	1		
	<i>Triển khai thực hiện từ 50% đến dưới 100% các cuộc thanh tra chuyên ngành theo Kế hoạch</i>	0.75		
	<i>Triển khai thực hiện dưới 50% các cuộc thanh tra chuyên ngành theo Kế hoạch</i>	0.25		
	<i>Không triển khai thực hiện các cuộc thanh tra chuyên ngành theo Kế hoạch</i>	0		
c	Thực hiện theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra	1		
3.2	<i>Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh</i>	3		
a	Tổ chức thực hiện tốt công tác tiếp dân	1		
b	Tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đúng quy định của pháp luật	1		
c	Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo phát sinh thuộc thẩm quyền, các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, các vụ việc tồn đọng được cơ quan thẩm quyền giao	1		
3.3	<i>Công tác phòng, chống tham nhũng</i>	2.5		
a	Thực hiện kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định	1		
b	Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (thực hiện công khai, minh bạch; kiểm soát xung đột lợi ích; ban hành, thực hiện	1.5		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	định mức, tiêu chuẩn, chế độ; thực hiện quy tắc ứng xử; thực hiện chuyển đổi vị trí công tác; thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dung tiền mặt; thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu)			
3.4	<i>Không có vi phạm được nêu trong nội dung Kết luận thanh tra của Thanh tra Bộ Tư pháp liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Sở Tư pháp, đơn vị thuộc Sở</i>	1.5		
4	Công tác nuôi con nuôi	5		
4.1	Tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực nuôi con nuôi tại địa phương	1.5		
a	Chủ động, kịp thời hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký nuôi con nuôi nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc ở cấp cơ sở trong quá trình triển khai các văn bản QPPL thuộc lĩnh vực nuôi con nuôi	1		
	<i>Không thực hiện hướng dẫn nghiệp vụ</i>	0		
b	Thực hiện công tác truyền thông để nâng cao nhận thức, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn quy định pháp luật về nuôi con nuôi theo yêu cầu tại Công văn số 1153/VPCP-PL ngày 23/02/2022 của Văn phòng Chính phủ	0.5		
	<i>Có thực hiện và thông tin về Vụ Con nuôi</i>	0.5		
	<i>Không thực hiện</i>	0		
4.2	Tham gia xây dựng, triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản, đề án về nuôi con nuôi	2		
a	Tham gia xây dựng các văn bản, đề án trong lĩnh vực nuôi con nuôi	1.5		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>Có tham gia góp ý đầy đủ các dự thảo văn bản, đề án trong lĩnh vực nuôi con nuôi</i>	1.5		
	<i>Tham gia góp ý nhưng không đầy đủ các dự thảo văn bản, đề án trong lĩnh vực nuôi con nuôi</i>	1		
	<i>Không tham gia góp ý trong quá trình xây dựng các văn bản, đề án trong lĩnh vực nuôi con nuôi</i>	0		
b	Tham gia các hội nghị, hội thảo, tọa đàm do Bộ Tư pháp tổ chức liên quan đến công tác nuôi con nuôi	0.5		
	<i>Tham gia đầy đủ các hội nghị, hội thảo, tọa đàm</i>	0.5		
	<i>Không tham gia các hội nghị, hội thảo, tọa đàm</i>	0		
4.3	Thực hiện công tác giải quyết việc nuôi con nuôi bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật	1.5		
a	Giải quyết các việc về nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật	0.5		
	<i>Giải quyết các việc nuôi con nuôi theo thẩm quyền, đảm bảo chất lượng và thời hạn theo quy định của pháp luật</i>	0.5		
	<i>Giải quyết các việc nuôi con nuôi không đúng quy định pháp luật</i>	0		
b	Đôn đốc UBND cấp xã hàng tháng rà soát, đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi đối trẻ em đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật (thực hiện khoản 1 Điều 6 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số	0.5		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	24/2019/NĐ-CP)			
	<i>Có văn bản đôn đốc UBND cấp xã và thông tin cho Vụ Con nuôi</i>	0.5		
	<i>Không thực hiện việc đôn đốc UBND cấp xã</i>	0		
c	Sở Tư pháp chủ động tham mưu cho UBND tỉnh, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc rà soát các cơ sở nuôi dưỡng, đánh giá nhu cầu trẻ em cần tìm gia đình thay thế và đôn đốc cơ sở nuôi dưỡng lập hồ sơ của trẻ em cần tìm gia đình thay thế để thực hiện các thủ tục tìm gia đình cho trẻ em theo đúng quy định của pháp luật	0.5		
	Có báo cáo kết quả rà soát các cơ sở nuôi dưỡng (số cơ sở nuôi dưỡng và số trẻ em đang được nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội) và số lượng trẻ em đã được đánh giá nhu cầu cần tìm gia đình thay thế trên địa bàn địa phương	0.5		
	<i>Không có báo cáo kết quả rà soát các cơ sở nuôi dưỡng (số cơ sở nuôi dưỡng và số trẻ em đang được nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội) và số lượng trẻ em đã được đánh giá nhu cầu cần tìm gia đình thay thế trên địa bàn địa phương</i>	0		
B	THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC	50		
I	THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	20		
1	Chế độ báo cáo công tác định kỳ (<i>Báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết</i>)	10		- Điểm đánh giá là điểm trung bình của các kỳ báo cáo thống kê thực hiện trong năm 2024

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
1.1	<i>Báo cáo đúng thời hạn quy định <u>hoặc</u> gửi chậm từ 01-02 ngày nhưng đã trình UBND cấp tỉnh trước thời hạn yêu cầu từ 10 ngày làm việc trở lên</i>	2		<i>Các trường hợp gửi chậm nhưng Sở Tư pháp đã trình trước thời hạn (nêu trên) thì gửi kèm theo tài liệu kiểm chứng là ảnh chụp màn hình máy tính thể hiện đã trình trên Trục liên thông văn bản quốc gia</i>
	<i>Gửi chậm từ 01-02 ngày nhưng đã trình UBND cấp tỉnh trước thời hạn theo yêu cầu từ 5-9 ngày làm việc</i>	1.75		
	<i>Gửi chậm từ 01-02 ngày nhưng đã trình UBND cấp tỉnh trước thời hạn theo yêu cầu dưới 5 ngày làm việc <u>hoặc</u> Gửi chậm từ 03-05 ngày nhưng đã trình UBND cấp tỉnh trước thời hạn yêu cầu từ 10 ngày làm việc trở lên</i>	1.5		
	<i>Gửi chậm từ 03-05 ngày nhưng đã trình UBND cấp tỉnh trước thời hạn yêu cầu từ 5-9 ngày làm việc</i>	1.25		
	<i>Gửi chậm từ 03-05 ngày nhưng đã trình UBND cấp tỉnh trước thời hạn yêu cầu dưới 5 ngày làm việc <u>hoặc</u> Gửi chậm từ 06-10 ngày nhưng trình UBND cấp tỉnh</i>	1		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>trước thời hạn theo yêu cầu từ 10 ngày làm việc trở lên</i>			
	<i>Gửi chậm từ 06-10 ngày nhưng trình UBND cấp tỉnh trước thời hạn theo yêu cầu từ 5-9 ngày làm việc</i>	0.75		
	<i>Gửi chậm từ 06-10 ngày nhưng trình UBND cấp tỉnh trước thời hạn theo yêu cầu dưới 5 ngày làm việc</i>	0.5		
	<i>Gửi chậm trên 10 ngày làm việc</i>	0		
1.2	Báo cáo đúng thẩm quyền theo Công văn hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1		
	Báo cáo của UBND hoặc Sở Tư pháp (có kèm văn bản ủy quyền hoặc văn bản giao nhiệm vụ của Chủ tịch UBND)	1		
	<i>Báo cáo của Sở Tư pháp (không được ủy quyền của Chủ tịch UBND)</i>	0		
1.3	Báo cáo đúng kết cấu, chất lượng đảm bảo đầy đủ các nội dung của các mặt công tác tư pháp theo Công văn hướng dẫn của Bộ Tư pháp bao gồm: kết quả; nhận xét, đánh giá (ưu điểm, tồn tại, hạn chế); phương hướng; giải pháp; nhiệm vụ trọng tâm của từng mặt công tác	7		7- (1 x số nội dung thiếu hoặc lĩnh vực báo cáo thiếu)
2	Chế độ báo cáo thống kê theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp	10		Điểm được chấm căn cứ trên cơ sở báo cáo thống kê gửi lần đầu của các Sở Tư pháp. Không chấm điểm đối với các

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
				báo cáo đã được đính chính, chỉnh sửa. - Điểm xếp hạng STP năm 2024 là điểm trung bình của các kỳ báo cáo thống kê thực hiện trong năm 2024
2.1	<i>Thời gian chấp hành chế độ báo cáo thống kê</i>	<i>1.5</i>		
	Gửi tất cả các biểu báo cáo đúng hạn	1.5		
	<i>Có từ 1 đến 2 biểu gửi chậm từ 1 – 3 ngày</i>	<i>1</i>		
	<i>Có từ 3 đến 4 biểu gửi chậm từ 1 – 3 ngày</i>	<i>0.75</i>		
	<i>Có từ 5 đến 6 biểu gửi chậm từ 1 – 3 ngày</i>	<i>0.5</i>		
	<i>Có từ 7 biểu trở lên gửi chậm từ 1 – 3 ngày hoặc có biểu gửi chậm từ 4 ngày trở lên</i>	<i>0</i>		
2.2	<i>Đủ thông tin trong biểu</i>	<i>2</i>		“Thông tin” này bao gồm: - Các chỉ tiêu, phân tử, ô số

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
				liệu trong tất cả bảng biểu (trường hợp số liệu bằng 0 thì điền số 0, không được để trống); - Thông tin trong phần ghi chú của nhóm biểu thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp: đấu giá tài sản, trọng tài thương mại, luật sư, công chứng, hòa giải thương mại, quản lý thanh lý tài sản.
	<i>Tất cả các biểu đầy đủ thông tin</i>	2		
	<i>Có từ 1-2 biểu thiếu thông tin</i>	1.5		
	<i>Có từ 3-4 biểu thiếu thông tin</i>	1		
	<i>Có từ 5-6 biểu thiếu thông tin</i>	0.5		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>Có từ 7 biểu trở lên thiếu thông tin</i>	0		
2.3	Chất lượng số liệu thống kê	4.5		
a	Tất cả các biểu khớp phân tử	1.5		
	<i>Có từ 1-2 biểu số liệu không khớp giữa các phân tử trong cùng chỉ tiêu</i>	1		
	<i>Có từ 3-4 biểu số liệu không khớp giữa các phân tử trong cùng chỉ tiêu</i>	0.5		
	<i>Có từ 5 biểu trở lên số liệu không khớp giữa các phân tử trong cùng chỉ tiêu</i>	0		
b	Tất cả các biểu có số liệu hợp lý	3		Mỗi biểu có số liệu bất hợp lý trừ 0.5 điểm. Tối đa trừ đến 3 điểm. Số liệu bất hợp lý bao gồm các trường hợp: - Số liệu tăng, giảm nhiều (lớn hơn 20%) so với báo cáo cùng kỳ năm trước nhưng không giải thích lý do; Số liệu
	<i>Có 1 biểu có số liệu bất hợp lý</i>	2.5		
	<i>Có 2 biểu có số liệu bất hợp lý</i>	2		
	<i>Có 3 biểu có số liệu bất hợp lý</i>	1.5		
	<i>Có 4 biểu có số liệu bất hợp lý</i>	1		
	<i>Có 5 biểu có số liệu bất hợp lý</i>	0.5		
	<i>Có 6 biểu trở lên có số liệu bất hợp lý</i>	0		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
				<p>tăng, giảm bất thường so với mặt bằng chung trên địa bàn nhưng không giải thích lý do;</p> <p>- Số văn bản QPPL được ban hành cao hơn từ 20% trở lên so với số văn bản được thẩm định trong kỳ báo cáo nhưng không giải thích lý do; không phát hiện tổng số văn bản trái pháp luật nhưng cột thống kê chi tiết lại có số văn bản trái; số văn bản xử lý</p>

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
				<p>nhiều hơn số văn bản phát hiện trái pháp luật; Không thống kê số phí thu được nhưng lại có số tiền nộp thuế (ngân sách) hoặc ngược lại, có hoạt động có thu phí nhưng không có doanh thu; Có số tổ chức nhưng không có số lượng nhân sự và ngược lại; phí/lệ phí chúng thực thu được cao hoặc thấp hơn so với quy định của pháp luật, số</p>

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
				đầu vào (thụ lý/tiếp nhận...) lớn hơn hoặc nhỏ hơn số đầu ra (kết quả giải quyết); số vụ việc kết thúc không khớp với số lượt người được trợ giúp pháp lý...
2.4	<i>Việc thực hiện báo cáo thống kê trên phần mềm thống kê ngành Tư pháp</i>	2		
	Thực hiện đầy đủ các biểu báo cáo bằng biểu mẫu điện tử trên phần mềm thống kê ngành Tư pháp	2		- Kỳ 6 tháng: 13 biểu
	<i>Thực hiện thiếu từ 1 biểu đến 3 biểu</i>	1.5		- Kỳ năm: 25 biểu
	<i>Thực hiện thiếu từ 4 biểu đến 6 biểu</i>	1		- Kỳ năm chính thức: 26 biểu
	<i>Thực hiện thiếu từ 7 biểu đến 9 biểu</i>	0.5		
	<i>Thực hiện thiếu từ 10 biểu trở lên</i>	0		
II	CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG NGÀNH VÀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ	10		
1	Kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí số lượng cấp phó và xây dựng Đề án vị trí việc làm theo quy định của pháp luật	5		
1.1	<i>Tham mưu kiện toàn tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở</i>	2		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>Tư pháp phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn của Bộ Tư pháp và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i>			
a	Đã trình UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 100% đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp phù hợp với quy định của pháp luật (kèm theo Quyết định ban hành)	1		Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP
	<i>Đã trình UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của dưới 100% đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp phù hợp với quy định của pháp luật (kèm theo Quyết định ban hành).</i>	0.75		
	<i>Đã trình UBND cấp tỉnh nhưng chưa được ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp phù hợp với quy định của pháp luật (kèm theo Tờ trình)</i>	0.5		
	<i>Chưa trình UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp phù hợp với quy định của pháp luật</i>	0		
b	Đã thực hiện kiện toàn, sắp xếp 100% đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật	1		Điều 5 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, Quyết định số 2069/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 của Thủ tướng

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
				Chính phủ và Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ
	<i>Đã thực hiện kiện toàn, sắp xếp dưới 100% đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật</i>	0.5		
	<i>Chưa thực hiện kiện toàn, sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật</i>	0		
1.2	<i>Thực hiện việc bố trí số lượng cấp phó các tổ chức hành chính (các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, văn phòng (nếu có), thanh tra (nếu có), đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở theo đúng quy định của pháp luật</i>	1		
	100% các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở bố trí số lượng cấp phó theo đúng quy định của pháp luật	1		
	<i>Dưới 100% các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở bố trí số lượng cấp phó theo đúng quy định của pháp luật (trừ trường hợp theo quy định của pháp luật)</i>	0		
1.3	<i>Xây dựng Đề án vị trí việc làm phù hợp với quy định của pháp luật</i>	1		Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
				106/2020/NĐ-CP
	Đã xây dựng Đề án vị trí việc làm của các đơn vị hành chính thuộc Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật (kèm theo Tờ trình, Đề án VTVL)	0.5		
	<i>Chưa xây dựng Đề án vị trí việc làm của các đơn vị hành chính thuộc Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật</i>	0		
	Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp đã xây dựng Đề án vị trí việc làm theo quy định của pháp luật (kèm theo Tờ trình, Đề án VTVL)	0.5		
	<i>Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp chưa xây dựng Đề án vị trí việc làm theo quy định của pháp luật</i>	0		
1.4	Thực hiện việc bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức, người lao động của Sở Tư pháp phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định của pháp luật	1		
	Thực hiện việc bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng 100% đội ngũ công chức, viên chức, người lao động của Sở Tư pháp phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định của pháp luật	1		
	<i>Thực hiện việc bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng dưới 100% đội ngũ công chức, viên chức, người lao động của Sở Tư pháp phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định của pháp luật</i>	0.5		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
2	Về kiện toàn tổ chức, công chức các Phòng Tư pháp trên địa bàn	2		
a	Tham mưu UBND cấp tỉnh bảo đảm bố trí, sử dụng 100% đội ngũ công chức làm việc tại các Phòng Tư pháp phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật	1.5		
	<i>Tham mưu UBND cấp tỉnh bảo đảm bố trí, sử dụng từ 80% đến dưới 100% đội ngũ công chức làm việc tại các Phòng Tư pháp phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tư pháp</i>	1		
	<i>Tham mưu UBND cấp tỉnh bảo đảm bố trí, sử dụng dưới 80% đội ngũ công chức làm việc tại các Phòng Tư pháp phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tư pháp</i>	0.5		
b	Đã tham mưu UBND cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Phòng Tư pháp theo quy định	0.5		Điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 07/2020/TT-BTP
	<i>Chưa tham mưu UBND cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Phòng Tư pháp</i>	0		
3	Về kiện toàn đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch trên địa bàn	2		
a	Tham mưu củng cố kiện toàn, đảm bảo chất lượng công chức Tư pháp cấp huyện, cấp xã trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn	0.5		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	2023-2030 theo Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 đảm bảo đủ chất lượng, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật (có văn bản, tài liệu chứng minh).			
b	Tham mưu UBND cấp tỉnh bảo đảm bố trí 100% số công chức Tư pháp - Hộ tịch có trình độ từ Trung cấp Luật trở lên và được bồi dưỡng về nghiệp vụ hộ tịch theo Luật Hộ tịch	1.5		
	<i>Tham mưu UBND cấp tỉnh bảo đảm bố trí từ 80% đến dưới 100% số công chức Tư pháp - Hộ tịch có trình độ từ Trung cấp Luật trở lên và được bồi dưỡng về nghiệp vụ hộ tịch theo Luật Hộ tịch</i>	1		
	<i>Tham mưu UBND cấp tỉnh bảo đảm bố trí được dưới 80% số công chức Tư pháp - Hộ tịch có trình độ từ Trung cấp Luật trở lên và được bồi dưỡng về nghiệp vụ hộ tịch theo Luật Hộ tịch.</i>	0.5		
4	Tập thể đoàn kết, tổ chức đảng và các đoàn thể đạt trong sạch, vững mạnh	1		
	<i>Sở Tư pháp để xảy ra tình trạng tập thể mất đoàn kết (có kết luận của cơ quan có thẩm quyền) hoặc có sai phạm trong công tác tổ chức cán bộ (có tập thể hoặc công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật theo quy định)</i>	0		
III	CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG	5		
1	Công tác thi đua	1.5		
1.1	<i>Tổ chức hưởng ứng và phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua năm 2024</i>	0.5		
	Tổ chức hưởng ứng, phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua đúng nội dung và đối tượng	0.25		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	Tổ chức hưởng ứng, phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua đúng thời hạn theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	0.25		
1.2	Tổ chức triển khai thực hiện các phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động	0.5		
	Triển khai thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ, thực chất các phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động; có mô hình hay, cách làm mới sáng tạo, hiệu quả; có giải pháp đổi mới về triển khai phong trào thi đua	0.5		
	<i>Triển khai thực hiện đúng kế hoạch các phong trào thi đua do Bộ Tư pháp</i>	0.25		
	<i>Tổ chức triển khai thực hiện các phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động không hiệu quả</i>	0		
1.3	Tổ chức hiệu quả các hoạt động kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua	0.5		
	Tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua đầy đủ, đúng thời hạn theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	0.5		
	<i>Có tổ chức thực hiện kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua nhưng báo cáo kết quả không đúng thời hạn</i>	0.25		
	<i>Không có báo cáo hoặc không thực hiện các hoạt động trên</i>	0		
2	Công tác khen thưởng	1		
2.1	Thực hiện bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng	0.5		
	Thực hiện bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đảm bảo khách quan, chính xác đúng quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng	0.5		
	<i>Bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng không đúng quy định về tỷ lệ hoặc không đúng đối tượng, tiêu chuẩn theo quy định của Luật Thi đua, khen</i>	0		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>thường và các văn bản hướng dẫn thi hành</i>			
2.2	Chấp hành các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng	0.5		
	Chấp hành tốt các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng (thời hạn, thành phần hồ sơ, nội dung đảm bảo yêu cầu)	0.5		
	<i>Lập hồ sơ đề nghị khen thưởng đúng thời hạn nhưng có trường hợp chưa đúng thủ tục, hồ sơ hoặc hồ sơ đề nghị khen thưởng đúng thủ tục nhưng không đúng thời hạn</i>	0.25		
	<i>Bình xét khen thưởng, gửi hồ sơ không đúng thời hạn và không đảm bảo về thủ tục quy định</i>	0		
2	Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các lớp tập huấn, bồi dưỡng, tọa đàm nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng do Bộ Tư pháp tổ chức	1		
	Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng, tọa đàm nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng do Bộ Tư pháp tổ chức	0.5		
	Tham gia đúng thành phần các lớp tập huấn, bồi dưỡng, tọa đàm nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng do Bộ Tư pháp tổ chức	0.5		
3	Thực hiện tự chấm điểm đánh giá xếp hạng Sở Tư pháp năm 2024	1		
3.1	Tổ chức tự chấm điểm thi đua	0.5		
	Tổ chức tự chấm điểm chính xác, khách quan, tổng hợp đầy đủ kết quả tự chấm điểm các lĩnh vực, nhiệm vụ công tác	0.5		
	<i>Tổ chức tự chấm điểm đầy đủ các lĩnh vực, nhiệm vụ công tác nhưng có trường hợp không chính xác</i>	0		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
3.2	<i>Báo cáo kết quả tự chấm điểm về Bộ Tư pháp</i>	<i>0.5</i>		
	Báo cáo kết quả tự chấm điểm đúng thời hạn, có đầy đủ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	0.5		
	<i>Báo cáo kết quả tự chấm điểm có đầy đủ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhưng muộn hơn so với thời hạn quy định</i>	<i>0.25</i>		
	<i>Có báo cáo kết quả tự chấm điểm nhưng không có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	<i>0</i>		
4	Triển khai các hoạt động hướng tới Đại hội thi đua yêu nước ngành Tư pháp lần thứ VI theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	0.5		
IV	PHỐI HỢP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DO BỘ, NGÀNH TƯ PHÁP GIAO NĂM 2024	5		
1	Tham gia góp ý các văn bản theo yêu cầu của Bộ Tư pháp	1		
	<i>Tham gia góp ý đầy đủ, đúng hạn các văn bản theo yêu cầu của Bộ Tư pháp</i>	<i>1</i>		
	<i>Tham gia góp ý nhưng có văn bản chưa đúng hạn theo yêu cầu của Bộ Tư pháp</i>	<i>0.5</i>		
2	Tham mưu cho UBND cấp tỉnh phối hợp hiệu quả với Bộ Tư pháp trong công tác tổ chức thực hiện nhiệm vụ, hoạt động công tác tư pháp tại địa phương	1		
3	Tham gia các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm về công tác chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu, triệu tập của Bộ Tư pháp	1		
	Tham gia đầy đủ các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm về công tác chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu, triệu tập của Bộ Tư pháp	1		

ga

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
	<i>Tham gia không đầy đủ các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm về công tác chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu, triệu tập của Bộ Tư pháp</i>	0		
4	Thực hiện các chỉ đạo của Bộ trong công tác tư pháp	1		
	Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả 100% chỉ đạo của Bộ trong công tác tư pháp	1		
	<i>Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả từ 80% đến dưới 100% chỉ đạo của Bộ trong công tác tư pháp</i>	0.75		
	<i>Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả từ 60% đến dưới 80% chỉ đạo của Bộ trong công tác tư pháp</i>	0.5		
	<i>Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả dưới 60% chỉ đạo của Bộ trong công tác tư pháp</i>	0		
5	Tham mưu tổ chức triển khai công tác tư pháp cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh, thành phố	1		
	Tham mưu tổ chức triển khai hiệu quả công tác tư pháp cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh, thành phố	1		
	<i>Có phản ánh của báo chí đúng sự thật về tồn tại, hạn chế, khuyết điểm của công tác tư pháp tại cấp huyện, cấp xã</i>	0.5		
	<i>Có xảy ra sai phạm về công tác tư pháp tại cấp huyện, cấp xã</i>	0		
V	THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TƯ PHÁP DO CẤP ỦY, CHÍNH QUYỀN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG GIAO NĂM 2024	10		
1	Hoàn thành 100% nhiệm vụ công tác tư pháp do cấp ủy, chính quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao năm 2024	10		

	NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)
2	Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% nhiệm vụ công tác tư pháp do cấp ủy, chính quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao năm 2024	8		
3	Hoàn thành từ 60% đến dưới 80% nhiệm vụ công tác tư pháp do cấp ủy, chính quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao năm 2024	6		
4	Hoàn thành dưới 60% nhiệm vụ công tác tư pháp do cấp ủy, chính quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao năm 2024	0		
	Tổng số điểm chuẩn	200		



BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

PHỤ LỤC

CÁCH ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM, XẾP HẠNG THI ĐUA SỞ TƯ PHÁP CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 536 /QĐ-BTP ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

I. QUY ĐỊNH VỀ ĐIỂM CHUẨN, THANG ĐIỂM TẠI BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM, XẾP HẠNG THI ĐUA SỞ TƯ PHÁP CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM 2024

1. Điểm chuẩn của Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm, xếp hạng thi đua Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2024

Điểm chuẩn của Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm, xếp hạng thi đua Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương năm 2024 (Sau đây gọi tắt là Bảng tiêu chí) là tổng số tối đa 200 điểm, được tính cho Sở Tư pháp khi thực hiện đúng hoặc vượt tiến độ hoặc đáp ứng yêu cầu đạt tỷ lệ hoàn thành 100% tất cả các nhóm nhiệm vụ tương ứng với từng nhóm tiêu chí quy định tại Phần A, Phần B của Bảng tiêu chí.

2. Điểm chuẩn từng phần của Bảng tiêu chí

2.1. Điểm chuẩn của Phần A. “Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp năm 2024” của Bảng tiêu chí (Phần A)

Điểm chuẩn của Phần A Bảng tiêu chí là tổng số tối đa 150 điểm được tính cho Sở Tư pháp khi thực hiện đúng hoặc vượt tiến độ, đạt tỷ lệ hoàn thành 100% các nhóm nhiệm vụ được quy định tương ứng với từng nhóm tiêu chí quy định tại Phần A của Bảng tiêu chí.

2.2. Điểm chuẩn của Phần B. “Thực hiện các nhiệm vụ khác” của Bảng tiêu chí (Phần B)

Điểm chuẩn của Phần B Bảng tiêu chí là tổng số tối đa 50 điểm được tính cho Sở Tư pháp khi thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng hoặc theo yêu cầu đạt tỷ lệ hoàn thành 100% tất cả các nhiệm vụ được quy định tương ứng với từng nhóm tiêu chí tại Phần B của Bảng tiêu chí.

3. Thang điểm của Bảng tiêu chí

Thang điểm là số điểm tối đa được áp dụng để tính cho Sở Tư pháp khi thực hiện hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo tiến độ hoặc đáp ứng yêu cầu hoặc khi thực hiện hoàn thành nhiệm vụ nhưng chậm tiến độ tương ứng với tỷ lệ % kết quả đạt được quy định tại từng tiêu chí thành phần của Bảng tiêu chí.

II. CHẤM ĐIỂM THI ĐUA

1. Các bước đánh giá, chấm điểm, xếp hạng thi đua Sở Tư pháp

1.1. Tự chấm điểm của Sở Tư pháp và các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp

Căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các tiêu chí đã được quy định, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sau đây gọi tắt là Sở Tư pháp) có trách nhiệm tổ chức đánh giá, tự chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ các lĩnh vực công tác có tiêu chí chấm điểm của đơn vị mình; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ được giao giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về các lĩnh vực có tiêu chí chấm điểm thi đua đối với Sở Tư pháp có trách nhiệm xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành của các tiêu chí, tổ chức chấm điểm cho Sở Tư pháp theo nguyên tắc như sau:

- Tổng số điểm đạt được tối đa không quá 200 điểm được chấm cho Sở Tư pháp khi hoàn thành đạt tiến độ hoặc theo yêu cầu các nhiệm vụ đạt số điểm chuẩn tối đa quy định tại từng tiêu chí cụ thể tại Phần A và Phần B của Bảng tiêu chí.
- Tính điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ bằng việc áp dụng các thang điểm quy định theo tỷ lệ % nhiệm vụ hoàn thành đạt tiến độ, yêu cầu hoặc không hoàn thành. Một số nhiệm vụ tính điểm đạt được khi đơn vị hoàn thành đảm bảo yêu cầu cụ thể quy định tại các thang điểm tại Phần A và Phần B của Bảng tiêu chí. Một số trường hợp không thực hiện được thì tính 0 điểm.
- Khi xác định kết quả để áp dụng chấm điểm phải có tài liệu hoặc báo cáo về kết quả thực hiện để kiểm chứng.

1.2. Rà soát, thẩm định, tính tổng số điểm thi đua, dự kiến, trình xếp hạng Sở Tư pháp của Vụ Tổ chức cán bộ (Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp)

Trên cơ sở kết quả tổng số điểm của các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp, căn cứ kết luận của Lãnh đạo Bộ tại các cuộc họp, kết luận thanh tra, kiểm tra đối với địa phương và ý kiến chỉ đạo của tập thể Lãnh đạo Bộ về cơ cấu, số lượng xếp hạng Sở Tư pháp năm 2024, Vụ Tổ chức cán bộ (Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp) tham mưu xây dựng dự kiến xếp hạng trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét; báo cáo Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp cho ý kiến; đề nghị Bộ trưởng xếp hạng năm 2024 đối với các Sở Tư pháp. Trong quá trình rà soát, tổng hợp kết quả chấm điểm, dự kiến xếp hạng, nếu có sự chênh lệch giữa tổng điểm của các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp hoặc chênh lệch giữa điểm chấm của mỗi đơn vị thuộc Bộ cho Sở Tư pháp theo chiều hướng thấp hơn thì Sở Tư pháp được giải trình, bổ sung tài liệu kiểm chứng đối với những nội dung có sự chênh lệch để Bộ cân nhắc xem xét.

2. Cách tính điểm thi đua xét, đánh giá, xếp hạng Sở Tư pháp

Điểm xét, đánh giá, xếp hạng Sở Tư pháp bằng tổng điểm của các đơn vị thuộc Bộ chấm cho các Sở Tư pháp.

Điểm tự chấm của Sở Tư pháp để đối chiếu, so sánh, tham khảo.

3. Mốc thời gian được tính để chấm điểm kết quả công tác

Mốc thời gian được tính để chấm điểm kết quả công tác từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/10/2024. (*Kết quả công tác từ ngày 01/11/2024 đến hết ngày 31/10/2025 được tính vào kỳ đánh giá chấm điểm năm 2025*).

4. Thời gian gửi kết quả chấm điểm

4.1. Thời gian gửi kết quả tự chấm điểm của Sở Tư pháp

Kết quả điểm tự chấm của Sở Tư pháp được gửi về Bộ Tư pháp (qua Vụ Tổ chức cán bộ) đồng thời gửi về Cụm thi đua trước **ngày 15 tháng 11 năm 2024**.

4.2. Thời gian gửi kết quả chấm điểm Sở Tư pháp của các đơn vị thuộc Bộ

Kết quả chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ cho Sở Tư pháp được gửi về Bộ Tư pháp (qua Vụ Tổ chức cán bộ) trước **ngày 15 tháng 11 năm 2024**.

Lưu ý: Khi gửi kết quả chấm điểm, ngoài việc gửi theo đường công văn, Sở Tư pháp, các đơn vị thuộc Bộ đồng thời gửi file điện tử của kết quả chấm điểm (định dạng .xls hoặc .doc) đến hộp thư điện tử của Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tư pháp: thidua khenthuong@moj.gov.vn.

III. CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG

1. Cơ cấu đánh giá xếp hạng Sở Tư pháp

Cơ cấu đánh giá, xếp hạng Sở Tư pháp năm 2024 gồm 04 mức hạng:

1.1. Hạng Xuất sắc: Lựa chọn các đơn vị đạt từ 195 điểm trở lên, có nhiều đổi mới, sáng tạo và đạt được kết quả nổi trội trong triển khai nhiệm vụ, là điển hình để tập thể khác học tập, noi theo, tối đa không quá 20% tổng số đơn vị được đánh giá, xếp hạng Tốt theo thứ tự từ điểm số cao đến điểm số thấp.

1.2. Hạng Tốt: Lựa chọn các đơn vị đạt từ 185 điểm đến dưới 195 điểm, có đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ và các đơn vị đạt từ 195 điểm trở lên nhưng không được xếp hạng Xuất sắc.

1.3. Hạng Trung bình: Xem xét các đơn vị đạt từ 175 điểm đến dưới 185 điểm; các đơn vị từ 185 điểm trở lên thuộc một trong các trường hợp sau:

- Đơn vị để xảy ra tình trạng tham ô, tham nhũng, lãng phí đã có kết luận thanh tra, kiểm tra.
- Đơn vị có công chức, viên chức, người lao động bị áp dụng một trong các hình thức kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thực thi công vụ.

1.4. Hạng Yếu: Các đơn vị đạt dưới 175 điểm; các đơn vị đạt từ 175 điểm trở lên có công chức, viên chức, người lao động bị khởi tố hình sự về hành vi trong thực thi công vụ.

2. Lưu ý

- Đối với các trường hợp Sở Tư pháp có công chức, viên chức, người lao động bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị khởi tố hình sự về hành vi cá nhân không liên quan đến thực thi công vụ thì hạ 01 bậc xếp hạng Sở Tư pháp so với mức xếp hạng dự kiến đạt được.

- Đối với các trường hợp có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh, làm rõ hoặc đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm thì sau khi có kết luận chính thức của cơ quan có thẩm quyền mới xem xét xếp hạng thi đua và xét khen thưởng.

- Kết quả xử lý kỷ luật chỉ được áp dụng một lần trong xem xét xếp hạng thi đua, khen thưởng.

IV. XÉT KHEN THƯỞNG

Trên cơ sở kết quả đánh giá chấm điểm, xếp hạng thi đua đối với các đơn vị và căn cứ vào tỷ lệ được khen thưởng do Bộ Tư pháp quy định, các tiêu chuẩn đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, việc tổ chức bình xét thi đua, đề nghị khen thưởng thực hiện cụ thể như sau:

1. Đối với danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp”

Lựa chọn các đơn vị tiêu biểu xuất sắc nhất trong số các đơn vị được đánh giá, xếp hạng Xuất sắc (đạt số điểm từ cao xuống tính theo chỉ tiêu Cờ được phân bổ, có số dư) và được bình xét, suy tôn tại các Cụm thi đua.

2. Đối với khen thưởng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp”

Tập thể Sở Tư pháp có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua; được xem xét đánh giá xếp hạng “Xuất sắc” hoặc đạt từ 195 điểm trở lên trong đó có từ 75% trở lên các lĩnh vực, nhiệm vụ được các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp chấm điểm tối đa.

Ngoài nguyên tắc trên, trường hợp đặc biệt do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

V. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tự đánh giá, chấm điểm thi đua của đơn vị mình khách quan, chính xác, thực hiện đầy đủ thủ tục (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) gửi kết quả về Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tư pháp theo thời gian quy định.

2. Đơn vị thuộc Bộ Tư pháp

Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp được giao giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về các lĩnh vực có tiêu chí chấm điểm thi đua đối với Sở Tư pháp có trách nhiệm thực hiện chấm điểm thi đua các Sở Tư pháp đảm bảo chính xác, hiệu quả, gửi kết quả về Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tư pháp đúng tiến độ quy định.

3. Vụ Tổ chức cán bộ, Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng ngành Tư pháp

Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, rà soát, thẩm tra kết quả tự chấm điểm của các Sở Tư pháp và kết quả chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ cho Sở Tư pháp, dự kiến xếp hạng các Sở Tư pháp, đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xem xét, báo cáo xin ý kiến của Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp và trình Bộ trưởng quyết định; gửi kết quả xếp hạng về các Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày Bộ trưởng ký, ban hành.

4. Cụm thi đua

Căn cứ kết quả tự chấm điểm của các Sở Tư pháp, kết quả kiểm tra chéo của Cụm thi đua, dự kiến đề nghị xếp hạng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, Cụm thi đua tổ chức đánh giá và bình xét, suy tôn danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp” đối với các Sở Tư pháp tại Hội nghị Tổng kết công tác thi đua, khen thưởng của các Cụm thi đua năm 2024. 